TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 7- 2025
V/v"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thanh Tâm

Ông Nguyễn Hữu Tố

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D, chức vụ: trưởng phòng xử lý nợ miền N (Theo văn bản ủy quyền số 10/2024/UQ-TGĐ ngày 05/12/2024 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần M)

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Công Hoài T1, chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 29806/2025/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 18/6/2025).

Bị đơn: Vợ chồng ông Mai Chí T2, sinh năm 1975; bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Khu phố Đệ Đức 3, phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

(Nay là khu phố Đệ Đức 3, phường Hoài Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai).

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 11/7/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần V- Chi nhánh B cho ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H vay số tiền 432.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu đồng), theo hợp đồng cho vay số LN1906241482192/BDH/HĐCV ký ngày 11/7/2019, thời hạn vay 72 tháng, mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua ô tô tải (có mui) 8.8kg hiệu TMT, số loại KC11888T, mới 100%, sản xuất năm 2016, phục vụ kinh doanh buôn chuyến dừa, lãi suất thời điểm giải ngân 8,9%/năm, cố định 12 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 06/4/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho bà Huỳnh Thị H vay số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) theo hợp đồng tín chấp ký ngày 06/4/2020, thời hạn vay đến ngày 11/3/2023, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng, lãi suất cho vay thỏa thuận tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 07/12/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho bà Huỳnh Thị H vay số tiền 62.000.000 đồng theo hợp đồng tín chấp ký ngày 07/12/2020, thời hạn vay đến ngày 11/11/2023, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng, lãi suất cho vay thỏa thuận tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Ngày 04/8/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho bà Huỳnh Thị H vay 17.000.000 đồng theo hợp đồng tín chấp ký ngày 04/8/2021, thời hạn vay đến ngày 12/7/202, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng, lãi suất cho vay thỏa thuận tại thời điểm giải ngân là 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 11/7/2019, Ngân hàng và ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H đã cùng ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô nhãn hiệu TMT, biển số 77C-185.39, số khung 890TG1A00033, số máy 0E37E3G00679 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032545 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/7/2019, đứng tên bà Huỳnh Thị H.

Ngân hàng V- Chi nhánh B với ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H đã cùng ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1906241482192/BDH/HĐTC ký ngày 11/7/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/7/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 30/6/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã bán các khoản nợ của ông T2, bà H cho Công ty G1 theo hợp đồng mua bán nợ số 3-30/06/2023/VPB-GLX kèm theo phụ lục hợp đồng Mua bán nợ ký ngày 20/9/2023. Ngày 12/7/2024, Công ty M đã mua lại các khoản nợ đã bán nêu trên theo hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER, theo đó Galaxy kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của G đối với các khoản nợ đã mua và quyền đối với tài sản bảo đảm liên quan đến các khoản nợ của ông T2, bà H.

Do đó, nay Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T2, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty số tiền tạm đến ngày 25/7/2025 là: 562.816.639 đồng (trong đó nợ gốc là 307.777.784 đồng; nợ lãi là 255.039.512 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T2 bà H còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Công ty. Trường hợp vợ chồng ông T2, bà H không trả đủ số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng nói trên thì Công ty được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nói trên để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T2, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty M.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vợ chồng ông T2, bà H không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của Công ty không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, các điều 299, 317, 365, 463,466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M, buộc vợ chồng ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H liên đới trả cho Công ty số tiền 562.816.639 đồng (trong đó nợ gốc là 307.777.784 đồng; nợ lãi là 255.039.512 đồng), tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày xét xử trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cho đến khi hết nợ vay.

Trường hợp ông T2, bà H không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì Ngân hàng phát mãi tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, biển số 77C-185.39, số khung 890TG1A00033, số máy 0E37E3G00679 theo giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 032545 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/7/2019, đứng tên bà Huỳnh Thị H để thu hồi toàn bộ khoản vay.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T2, bà H tiếp tục trả nợ cho Công ty cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Vợ chồng ông T2, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Công ty cổ phần M khởi kiện hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H nơi cư trú tại khu phố Đ, phường H, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo loại việc và lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H được Tòa án triệu tập lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn Công ty cổ phần M về việc yêu cầu ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày xét xử là 562.816.639 đồng, trong đó nợ gốc là 307.777.784 đồng; nợ lãi là 255.039.512 đồng, (theo các hợp đồng cho vay số LN1906241482192/BDH/HĐCV ngày 11/7/2019, hợp đồng cho vay số LD2121601811 ngày 04/8/2021, hợp đồng cho vay số LD2009700455 ngày 06/4/2020, hợp đồng cho vay số LD2034201737 ngày 07/12/2020). Yêu cầu tính lãi suất phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cho đến khi

hết nợ vay, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không trả nợ và tiếp tục trả nợ trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để tất toán khoản nợ.

[2.1] Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp:

Các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cho vay nợ, hợp đồng thế chấp xe ô tô, hợp đồng mua bán nợ, phụ lục hợp đồng mua bán nợ kèm theo danh sách các khoản nợ giữa các công ty mua bán nợ gồm Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty trách nhiệm hữu hạn G1, Công ty cổ phần M.

Theo đó, ngày 11/7/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần V- Chi nhánh B đã giải ngân số tiền 432.000.000 đồng cho ông T2, bà H, lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,9%/năm, cố định trong vòng 12 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 06/4/2020, Ngân hàng giải ngân cho bà H vay số tiền 32.000.000 đồng; Ngày 07/12/2020, Ngân hàng giải ngân cho bà H vay số tiền 62.000.000 đồng; Ngày 04/8/2021, Ngân hàng giải ngân cho bà H vay số tiền 17.000.000 đồng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Thực hiện hợp đồng, ông T2 bà H đã nhận đủ số tiền giải ngân, có trả nợ vay nhưng kể từ ngày 11/5/2022 thì không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào, và các khoản nợ của ông T2, bà H chuyển sang quá hạn. Do đó, việc Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông T2, bà H trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, thấy rằng các khoản vay ngày 06/4/2020, 07/12/2020, 04/8/2021 của bà H có mục đích là phục vụ đời sống, chi tiêu chung, đây là những nhu cầu thiết yếu được quy định tại các điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình nên buộc ông T2 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà H các khoản vay trên là phù hợp.

[2.2] Xét về các chủ thể ký kết hợp đồng:

Ngày 30/6/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã bán các khoản nợ của ông T2, bà H cho Công ty G1 theo hợp đồng mua bán nợ số 3-

30/06/2023/VPB-GLX kèm theo phụ lục hợp đồng Mua bán nợ ký ngày 20/9/2023.

Ngày 12/7/2024, Công ty cổ phần M đã mua lại các khoản nợ đã bán nêu trên theo hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER, theo đó Công ty cổ phần M kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của G đối với các khoản nợ đã mua và quyền đối với tài sản bảo đảm liên quan đến các khoản nợ của ông T2, bà H.

Theo quy định tại các điều 365, 450 Bộ luật dân sự 2015, thì bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ. Xét thấy các chủ thể mua bán nợ giữa Ngân hàng V, Công ty trách nhiệm hữu hạn G1 và Công ty cổ phần M là hợp pháp nên việc Công ty cổ phần M khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nói và tiền lãi phát sinh kèm theo là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất: Do vợ chồng ông T2, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, các khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn từ ngày 11/5/2022, nên Công ty yêu cầu vợ chồng ông T2, bà H phải trả lãi theo thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận.

Việc Công ty áp dụng mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng phù hợp với mục 7 khoản 2 (phần Thỏa thuận về cho vay của Hợp đồng tín dụng số LN1906241482192/BDH/HĐCV ngày 11/7/2019), phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất và tinh thần của án lệ số 08/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/7/2025 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi vợ chồng ông T2, bà H thanh toán xong khoản nợ.

[2.4] Về tài sản thế chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô để thu hồi nợ thấy rằng: Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại Phòng C1 tỉnh Bình Định, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)- chi nhánh B1 và ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H đã ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô, số LN1906241482192/BDH/HĐTC về việc thế chấp tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, mang biển kiểm soát số 77C-185.39, số khung 890TG1A00033, số máy 0E37E3G00679 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032545 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/7/2019.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2025, có 01 xe ô tô đang đậu nhờ tại bãi đậu xe của ông Huỳnh Văn R từ năm 2022 cho đến nay (ông R trình bày là ông T2, bà H nói để nhờ xe vài hôm nhưng sau đó thì không liên lạc, để xe từ đó cho đến nay), đại diện ngân hàng xác nhận đúng là tài sản thế chấp của ông T2, bà H. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ không kiểm tra chất lượng bên trong.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được các bên tự nguyện ký kết, có hình thức, nội dung không trái với quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299, 303 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để vợ chồng ông T2, bà H có mặt tại Tòa làm việc nhưng ông T2 bà H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, ông T2 bà H phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng khác: Vợ chồng ông T2 bà H phải chịu tiền chi phí xem

xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 299, 303, 317, 320, khoản 7 Điều 323, các điều 365, 450, 429, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M đối với ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H.

- Buộc ông Mai Chí T2, bà Huỳnh Thị H liên đới trả cho Công ty cổ phần M số tiền 562.816.639 đồng, trong đó nợ gốc là 307.777.127 đồng; nợ lãi là 255.039.512 đồng, (tính đến ngày 25/7/2025).

Kể từ ngày 26/7/2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông T2, bà H không trả được nợ thì Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản sau đây để thu hồi nợ: 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, mang biển kiểm soát số 77C-185.39, số khung 890TG1A00033, số máy 0E37E3G00679 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 032545 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 03/7/2019 (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số hợp đồng thế chấp xe ô tô, số LN1906241482192/BDH/HĐTC ngày 11/7/2019). Nếu tài sản thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông T2, bà H có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Công ty cho đến khi hết nợ.

2. Về án phí: Ông T2, bà H phải chịu 26.512.660 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm mười hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M 11.720.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp theo Biên lai thu số 0007207 ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Gia Lai).

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông T2 bà H phải trả lại cho Công ty cổ phần M 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Phường